

Translanguaging Approach in English Speaking Classroom: A New Trend in Language Teaching

Nguyen Hoang Long Chau^{1*}, Thao Quoc Tran²

¹Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam

²Ho Chi Minh City Open University, Vietnam

*Corresponding author. Email: longcnh.ncs@hcmute.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 15/10/2024
Revised: 04/11/2024
Accepted: 19/08/2025
Published: 28/11/2025

KEYWORDS

Bi/multilingual environment;
English as a foreign language (EFL);
English Speaking Classroom (ESC);
Theories and pedagogy;
Translanguaging.

ABSTRACT

The translanguaging approach is becoming increasingly important in today's multilingual English teaching contexts, particularly in English Speaking Classrooms (ESC). Unlike traditional methods that use only English, translanguaging allows students to incorporate their native language and other languages they know to support their English comprehension and communication. This inclusive strategy enables learners to understand complex ideas more effectively by drawing from familiar linguistic frameworks, which helps ease cognitive load and boost understanding. Additionally, it builds adaptable linguistic skills and confidence, as students become more comfortable moving between languages. This paper presents both the theory and practice of translanguaging within English as a Foreign Language (EFL) settings and ESC. It discusses the evolving role of English, the rise of translanguaging, and insights from teachers and students in ESC. The article also reviews recent studies on translanguaging in EFL, addressing its benefits and challenges, and concludes with practical strategies and pedagogical recommendations for EFL teachers in bilingual or multilingual classrooms.

Phương pháp tiếp cận chuyển ngữ trong lớp học nói tiếng Anh: Xu hướng mới trong dạy ngôn ngữ

Châu Nguyễn Hoàng Long^{1*}, Trần Quốc Thao²

¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ. Email: longcnh.ncs@hcmute.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 15/10/2024
Ngày hoàn thiện: 04/11/2024
Ngày chấp nhận đăng: 19/08/2025
Ngày đăng: 28/11/2025

TỪ KHÓA

Môi trường song ngữ/đa ngôn ngữ;
Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL);
Lớp học nói tiếng Anh (ESC);
Lý thuyết và sư phạm;
Chuyển ngữ.

TÓM TẮT

Phương pháp tiếp cận chuyển ngữ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong giảng dạy tiếng Anh đa ngôn ngữ hiện nay, đặc biệt ở các Lớp học nói tiếng Anh (ESC). Khác với các phương pháp truyền thống chỉ dùng tiếng Anh, chuyển ngữ cho phép học sinh vận dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác để hỗ trợ hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh. Cách tiếp cận toàn diện này giúp học sinh dễ dàng nắm bắt các khái niệm phức tạp nhờ vào các khuôn khổ ngôn ngữ quen thuộc, giúp giảm bớt áp lực nhận thức và nâng cao sự hiểu biết. Hơn nữa, chuyển ngữ còn xây dựng các kỹ năng ngôn ngữ linh hoạt, tăng cường sự tự tin khi học sinh thoải mái chuyển đổi giữa các ngôn ngữ. Bài viết này khám phá lý thuyết và thực tiễn chuyển ngữ trong bối cảnh tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) và ESC. Bài viết thảo luận về vai trò đang mở rộng của tiếng Anh, sự nổi lên của chuyển ngữ, các ý kiến từ giáo viên và học sinh trong ESC. Những nghiên cứu gần đây về chuyển ngữ trong EFL cũng được xem xét, giải quyết các lợi ích và thách thức của nó. Bài viết kết thúc bằng các chiến lược thực tiễn và khuyến nghị sư phạm nhằm hỗ trợ giáo viên EFL trong lớp học song ngữ hoặc đa ngôn ngữ.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.2025.1683>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Giới thiệu

Khi Anh ngữ trở thành ngôn ngữ được sử dụng phổ biến toàn cầu, nó thường được sử dụng như một công cụ nhằm hỗ trợ cho giao tiếp trong các lĩnh vực công nghệ, truyền thông, kinh tế, giáo dục, thương mại và y tế. Phần lớn người học ngoại ngữ đều cố gắng học tiếng Anh để giao tiếp trên toàn cầu. [1] đã nhấn mạnh rằng người học EFL phải thành thạo bốn kỹ năng thiết yếu, trong đó gồm kỹ năng tiếp nhận thông tin qua nghe và đọc là các kỹ năng thụ động; ngược lại, kỹ năng nói và viết thuộc loại những kỹ năng hoạt động chủ động. Người học EFL cần có kỹ năng nói, một trong bốn khả năng ngôn ngữ không thể thiếu, bất kể họ học ngôn ngữ nước ngoài cùng ngôn ngữ bản địa của họ. Theo [2], nói là kỹ năng mà người học sẽ được đánh giá nhiều nhất trong các hoàn cảnh thực tế. Bên cạnh đó, “Nói là một trong những kỹ năng khó nhất mà người học ngôn ngữ phải đối mặt”, theo [3, p. 321]. Đồng quan điểm, [1] cũng chỉ ra rằng kỹ năng nói dường như là kỹ năng gây ra sự khó khăn nhất cho người học EFL trong bốn kỹ năng cơ bản trong tiếng Anh vì người nói phải nghĩ ra câu ngay tại chỗ. Điều đó có thể khó đối với người học ngoại ngữ khi cố gắng tạo ra câu mới mà không biết hình thành cấu trúc về ngữ pháp lẫn vốn từ vựng chưa đủ lớn. Đôi khi, trong quá trình áp dụng kỹ năng nói, người học EFL thường gặp rắc rối khi cố gắng phát âm từ vựng và kết hợp với ngữ pháp đúng cách hiệu quả. Do đó, mọi người đều cố gắng trở thành người nói thành thạo vì điều này là cần thiết để đạt được nhu cầu liên lạc hiệu quả cùng với những người khác trên toàn cầu.

Bên cạnh đó, người học EFL trên toàn thế giới luôn cố gắng nâng cao kỹ năng nói của mình, bởi giao tiếp hàng ngày được xem là nền tảng cần thiết để thành thạo ngôn ngữ. Cùng lúc đó, phương pháp chuyển ngữ đang trở thành một trọng tâm nghiên cứu và giảng dạy, cho phép người học sử dụng vốn ngôn ngữ đầy đủ của họ, bao gồm cả tiếng mẹ đẻ, để hỗ trợ việc hiểu và diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Anh hiệu quả hơn [4]. Một số nhà nghiên cứu nhận định phương pháp này hỗ trợ việc tiếp thu ngôn ngữ, nhưng những người khác hoài nghi về tính thực thi và đặt câu hỏi liệu rằng phương pháp này có thể hỗ trợ người học tiếng Anh trong các bối cảnh EFL hay không [5], hay tranh luận về sự tồn tại và áp dụng phương pháp chuyển ngữ trong lớp học song ngữ/đa ngữ [6]. Do đó, với lý do trên, bài báo này nhằm nêu ra các khía cạnh liên quan đến phương pháp chuyển ngữ, và đưa ra một vài nhận định về việc ứng dụng phương pháp nhằm tăng cường kỹ năng nói trong các lớp học EFL. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu tập trung vào việc sử dụng phương pháp phân tích chuyên sâu và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Từ đó, nhà nghiên cứu đưa ra nhiều quan điểm của phương pháp chuyển ngữ để bài báo làm rõ xu hướng mới của phương pháp này dành cho tất cả người dạy và người học trong dạy ngôn ngữ ở môi trường giáo dục khác nhau.

2. Nội dung nghiên cứu

Phần này bắt đầu với khái niệm chuyển ngữ, tiếp theo là cách diễn đạt “chuyển mã” (code-switching), “pha trộn mã” (code-mixing) và “chuyển ngữ” (translanguaging). Sau đó, một sự tổng quan về chuyển ngữ trong các lớp học nói tiếng Anh và việc nhận thức của cả người dạy và người học.

2.1. Khái niệm chuyển ngữ

Thuật ngữ “chuyển ngữ” tên tiếng Anh là Translanguaging, có nguồn xuất phát ở các nghiên cứu được thực hiện trong khung cảnh giáo dục phương Tây, nơi ngôn ngữ đầu tiên (L1) và các ngôn ngữ khác được dùng để hỗ trợ việc học nhằm nâng cao bản sắc đa văn hóa, đa ngôn ngữ một cách tích cực của trẻ em nhập cư hoặc thiểu số [7]. Thuật ngữ này xuất hiện lần đầu bằng tiếng Wales dựa trên tuyên bố của [8] (p. 20) “Theo cách sử dụng ban đầu, thuật ngữ này ám chỉ một hoạt động sư phạm trong đó người học được yêu cầu thay thế các ngôn ngữ nhằm mục đích sử dụng tiếp thu hoặc sử dụng có hiệu quả”. [9] cũng giải thích về cấu trúc thành phần của việc chuyển ngữ “translanguaging”, bao gồm việc sử dụng đuôi “ing” để biểu thị các hành động liên tục và định nghĩa từ này như một động từ chứ không phải một danh từ. Tiền tố “trans” nhấn mạnh các hoạt động ngôn ngữ vượt ra ngoài ranh giới giữa các ngôn ngữ hoặc các phương tiện ký hiệu khác truyền tải ý nghĩa, cũng như các ranh giới phân chia các ngôn ngữ quốc gia được chỉ định.

Chuyển ngữ, một số nhà nghiên cứu từng nêu trong nghiên cứu của mình, ví dụ, [10], [11], bỏ qua đơn ngữ và coi việc sử dụng các hoạt động diễn ngôn phức tạp là “hoạt động chuẩn mực” để người học song ngữ/đa ngữ thực hiện nét bản sắc, sự sáng tạo và tính phản biện. Bên cạnh đó, chuyển ngữ thực sự phản ánh một cách chân thực trải nghiệm của những người nói hai hay nhiều ngôn ngữ, thay vì áp đặt các rào cản ngôn ngữ một cách cứng nhắc. Khác với các phương pháp truyền thống vốn ưu tiên việc tách biệt ngôn ngữ trong lớp học, cách tiếp cận này công nhận và tận dụng khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa các ngôn ngữ mà người học sử dụng tự nhiên trong giao tiếp hàng ngày.

Song, chuyển ngữ đã có nhiều định nghĩa tranh cãi kể từ khi ra đời; vẫn chưa có định nghĩa chính xác nào. Sự chuyển ngữ là quá trình người học EFL sử dụng L1 như một hệ thống giao tiếp tích hợp [9]. Người học song ngữ và đa ngữ cố gắng sử dụng nhiều nguồn ký hiệu học cho hành động, kiến thức và bản sắc để điều chỉnh nhận thức và các quá trình xã hội phức tạp [8]. [12] đã chỉ ra rằng trong quá trình sản sinh ngôn ngữ, các yếu tố như giao tiếp hiệu quả, tính năng động và các quá trình tư duy đóng vai trò quan trọng trong việc tạo hứng thú cho người học trong việc sử dụng ngôn ngữ. Do đó, việc sử dụng có kế hoạch và có hệ thống song ngữ để dạy và học trong chuyển ngữ đang dần trở nên thịnh hành, đặc biệt trong nghiên cứu song ngữ gần đây.

Mặc dù có những định nghĩa về chuyển ngữ, phương pháp này đã và đang dần thành một xu hướng mới trong dạy nói tiếng Anh, đặc biệt trong ngữ cảnh EFL. Nhiều nhà nghiên cứu [4] – [6], [13] coi xu hướng này là một phương pháp đột phá vì nó không chỉ giới hạn việc người học áp dụng một ngôn ngữ đặc trưng, đồng thời cũng nâng cao khả năng giao tiếp linh hoạt giữa L1 và ngôn ngữ thứ hai (L2). Điều này làm cho việc tư duy, xây dựng ngữ nghĩa và thực hành ngôn ngữ của người học trở nên dễ tiếp cận hơn. Ngoài ra, chuyển ngữ tạo điều kiện cho người học phát triển kỹ năng nói L2 bằng cách tận dụng tối đa kiến thức ngôn ngữ của họ.

2.2. Chuyển mã, trộn mã hay chuyển ngữ

Theo [14], sự tương phản giữa chuyển mã và trộn mã có thể bị mờ nhạt, do đó đôi khi chúng được sử dụng luân phiên cho nhau, “trộn mã đề cập đến các chuyển đổi trong câu (âm vị, hình thái, cấu trúc ngữ pháp hoặc các mục từ vựng) trong cùng một phát ngôn, trong khi chuyển mã (thay đổi ngôn ngữ) đề cập đến các thay đổi giữa các câu (từ, cụm từ và câu) trong cùng một cuộc hội thoại” [14, p. 2]. Tuy nhiên, sự phân biệt này đôi khi bị mờ nhạt, khiến cả hai khái niệm đôi khi được áp dụng để thay thế lẫn nhau trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Điều này cho thấy sự phức tạp hóa và linh hoạt ở việc thực hành ngôn ngữ của người học EFL.

[15] nhấn mạnh rằng chuyển mã không chỉ đơn giản là thay đổi ngôn ngữ mà còn phản ánh các chức năng xã hội và ngữ nghĩa phức tạp, đặc biệt trong các cộng đồng chỉ nói một ngôn ngữ. Trong các cộng đồng này, việc pha trộn các mã từ các ngôn ngữ riêng biệt thường bị coi là hiếm và có thể dẫn đến tư duy đơn ngữ, nơi sự pha trộn bị xem là không phổ biến hoặc không được chấp nhận. Ngược lại, trong giáo dục đa ngôn ngữ, chuyển mã và chuyển ngữ không chỉ giúp người học phát triển khả năng ngôn ngữ mà còn mở rộng nhận thức của họ về thế giới thông qua việc tiếp cận nhiều loại ký hiệu khác nhau. Những người học EFL cũng chịu ảnh hưởng từ tư duy đơn ngữ khi tham gia vào quá trình “chuyển đổi mã”, mà trong đó ngôn ngữ được nhìn nhận như một nguồn tài nguyên và kho tàng ký hiệu thay vì chỉ là một hệ thống tổ chức.

Từ đó, chuyển ngữ có thể được hiểu là cách thức vượt qua các rào cản ngôn ngữ và cách tiếp cận trong bối cảnh song ngữ hoặc đa ngữ được nhìn nhận thông qua việc thực hành ngôn ngữ khác nhau như những mối quan hệ tương hỗ, và điều này được phản ánh rõ trong việc chuyển ngữ. Những lời phát biểu của người học trong lớp học thể hiện sự đa dạng ngôn ngữ tự nhiên. Tương tự, việc sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ khác nhau cho mục đích giao tiếp là một chiến lược chuyển ngữ hữu ích, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục và xã hội đa ngôn ngữ, khi người nói song ngữ hoặc đa ngữ tận dụng khả năng chuyển đổi ngôn ngữ như một công cụ hỗ trợ cho sự hiểu biết toàn diện.

2.3. Nhận thức về phương pháp chuyển ngữ trong ESC

Toàn cầu hóa đang giúp người học EFL và việc sử dụng ngôn ngữ nhiều hơn nhờ tiến bộ công nghệ. Gần đây, lớp học có nhiều văn hóa đang giao thoa đã và đang dần trở nên thông dụng hơn. Một phần lý do làm cho lớp học đa văn hóa trở nên phổ biến đó là sự giao lưu văn hóa, thương mại và hợp tác quốc

tế ngày càng phát triển, dẫn đến việc học sinh từ nhiều quốc gia và nền văn hóa khác nhau cùng học tập trong một môi trường đã góp phần tạo ra các lớp học với sự đa dạng văn hóa. Ý tưởng chuyển ngữ như một mô hình mới đã thay đổi cách người dạy hiểu về ESC và thường có ảnh hưởng đến sự hài hòa giữa giảng dạy và trong nghiên cứu ngôn ngữ. [16] cho biết phương pháp chuyển ngữ đã được nhìn nhận trong lịch sử và phổ biến ở những người nói cả đơn ngữ và đa ngữ. Hơn nữa, người học EFL đều có thể được coi là người dùng chuyển ngữ ở một cấp độ nào đó vì họ tự do sử dụng các yếu tố ký hiệu từ nhiều ngôn ngữ và hệ thống ký hiệu trong thực hành theo ngữ cảnh để tạo ra ý nghĩa. Nghiên cứu dựa trên thực hành của Canagarajah đã chứng minh rằng các chuẩn mực ngôn ngữ trong văn bản và trao đổi bằng lời nói luôn được thảo luận và thay đổi.

Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh tương lai, phương pháp chuyển ngữ không chỉ dừng lại ở việc kết hợp từ vựng và ký hiệu từ nhiều ngôn ngữ mà còn hướng đến xây dựng một môi trường học phong phú. Ở đó, người học có thể linh hoạt chuyển đổi giữa các ngôn ngữ, coi đó như một kỹ năng giúp họ dễ dàng sáng tạo và truyền đạt ý tưởng một cách tự nhiên, không bị giới hạn bởi các quy tắc ngôn ngữ cứng nhắc. Xu hướng mới của phương pháp này sẽ tập trung phát triển khả năng kết nối các hệ thống ngôn ngữ, giúp người học mở rộng khả năng giao tiếp hiệu quả hơn. Người học EFL sẽ được tiếp cận ngôn ngữ với sự linh hoạt cao hơn, đáp ứng tốt cho những nhu cầu giao tiếp toàn cầu trong thời đại hội nhập.

2.3.1. Nhận thức của người học về phương pháp chuyển ngữ trong ESC

Theo [17], người học tiếng Anh như ngoại ngữ thường xem tiếng Anh quan trọng hơn so với tiếng mẹ đẻ hay ngôn ngữ bản xứ của mình, đặc biệt là trong các lĩnh vực giáo dục và giao tiếp hàng ngày. Tiếng mẹ đẻ thường đóng vai trò như một bước hỗ trợ ban đầu, giúp người học tiến bộ trong việc thành thạo tiếng Anh. Khi đã đạt đến trình độ thành thạo, họ có thể tự tin chuyển tiếp sang các lớp học khác hoàn toàn bằng tiếng Anh. [18] cũng cho thấy tiếng Anh thường là ngôn ngữ quan trọng hơn trong các khía cạnh xã hội và nghề nghiệp, đặc biệt trong gia đình và môi trường sống, dẫn đến các phương pháp giảng dạy khác nhau trong lớp học.

Nghiên cứu trước đây của [19] tập trung vào cách người học đa ngôn ngữ nhận thức về việc học trong các lớp học chỉ áp dụng tiếng Anh như phương tiện dạy học. Cuối cùng, mặc dù, như [17, p. 68] lưu ý, "giáo dục nên là về việc tiếp thu kiến thức, chứ không chỉ đơn thuần là học tiếng Anh". Vì vậy, phương pháp chuyển ngữ là một trong những phương pháp hiệu quả để thực hiện lý thuyết này, nhưng nó có thể bị thất bại ngay từ đầu nếu người học không cởi mở với phương pháp dạy học này.

Tương tự nghiên cứu của [20, p. 251], khi được hỏi về giá trị của tiếng Anh, người tham gia từ ba nhóm L1 đều cho rằng tiếng Anh "phù hợp hơn với xã hội hiện đại và tăng cơ hội việc làm". Tuy nhiên, không phải tất cả người nói các ngôn ngữ khác đều có quan điểm tương tự. [21] khảo sát sinh viên tại một trường đại học ở Nhật Bản về việc sử dụng chuyển ngữ trong khóa học tiếng Anh và nhận thấy rằng sinh viên tin rằng phương pháp này giúp quản lý lớp học và giải thích bài tập hiệu quả hơn. Mặc dù nó giúp những người viết tiếng Anh kém trở nên thành thạo hơn hoàn thành các dự án viết, nhưng đối với những người thành thạo trong việc sử dụng thì việc chuyển ngữ được dùng để so sánh và đối chiếu các nguồn tài liệu được xuất bản bằng cả tiếng Nhật và tiếng Anh trở nên một cách dễ dàng.

Tương tự nghiên cứu trên, [22] khảo sát sinh viên ngành kỹ thuật xây dựng tại một đại học ở Nam Phi về đánh giá việc ảnh hưởng của chuyển ngữ trong việc phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường song ngữ. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên cho rằng chuyển ngữ giúp học tiếng Anh và đơn giản hóa các môn học khó. Tuy nhiên, một số sinh viên cho rằng chuyển ngữ khiến môn học trở nên phức tạp hơn do sự đa dạng của các phương ngữ tiếng Afrikaans. Một số khác tin rằng tiếng Anh chiếm ưu thế trong ngành kỹ thuật và tiếng Afrikaans nên bị loại bỏ. Những kết quả này đặt ra một số câu hỏi thú vị, trong đó có hai câu hỏi là làm thế nào để vượt qua các quan niệm ăn sâu về sự vượt trội của tiếng Anh trong các ngành nghề STEM và làm thế nào để triển khai chuyển ngữ hiệu quả trong các lớp học đa ngữ. Điều này cho thấy rằng tiếng Anh hiện nay được xem như ngôn ngữ toàn cầu và thường được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy, đặc biệt là về kỹ thuật. Vì vậy, các ngôn ngữ khác có thể ít được chú ý hơn. Tuy nhiên, việc người dạy sử dụng nhiều ngôn ngữ trong giảng dạy lại giúp học sinh hiểu bài sâu sắc hơn và tiếp thu kiến thức đầy đủ hơn, đặc biệt trong các môi trường học tập đa ngôn ngữ.

Trong tương lai, người học EFL sẽ nhìn nhận phương pháp chuyển ngữ không chỉ như một cách đơn giản hóa những môn học phức tạp mà còn là một phương tiện để phát triển khả năng tự chủ về ngôn ngữ. Theo thời gian, người học sẽ thấy rằng phương pháp này không chỉ giúp nắm vững nội dung học thuật mà còn khơi dậy sự sáng tạo, cho phép kết hợp nhiều hệ thống ngôn ngữ vào quá trình tư duy. Người học sẽ dần xem chuyển ngữ như một phương pháp học lâu dài thay vì chỉ là một công cụ hỗ trợ ngắn hạn, đồng thời hiểu rằng việc linh hoạt sử dụng ngôn ngữ có thể giúp họ giải quyết những vấn đề phức tạp, không chỉ trong học tập mà cả trong cuộc sống và sự nghiệp sau này.

Sự thay đổi này trong cách nhìn nhận về chuyển ngữ cũng sẽ ảnh hưởng đến cách người học giao tiếp và hợp tác với người khác. Người học EFL sẽ dần phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tương tác hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; họ nhận ra rằng chuyển ngữ không chỉ là việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác mà còn là một quá trình trao đổi ý nghĩa qua nhiều ngôn ngữ. Điều này không chỉ nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ của họ mà còn rèn luyện tư duy đa chiều và linh hoạt, kỹ năng thiết yếu trong thế giới ngày càng toàn cầu hóa.

Do đó, phương pháp chuyển ngữ sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thay đổi nhận thức học tập của người học EFL; nó sẽ giúp người học không chỉ nắm bắt kiến thức mà còn cải thiện kỹ năng mềm và khả năng tư duy độc lập trong quá trình phát triển cá nhân của họ.

2.3.2. Nhận thức của người dạy về phương pháp chuyển ngữ trong ESC

Ý tưởng về "nhận thức của người dạy" ban đầu có vẻ đơn giản, nhưng thực tế cho thấy nó phức tạp và có thể diễn giải theo nhiều cách. [23] từng nhận xét rằng việc định nghĩa rõ ràng nhận thức và hiểu cách nó ảnh hưởng đến hành động không hề đơn giản. Theo đó, nhận thức bao gồm ba yếu tố chính: hành vi, cảm xúc và sự hiểu biết, và bản chất của nhận thức được thể hiện qua các khía cạnh như thái độ, giá trị và quan điểm. Nhận thức có thể được hiểu là những đánh giá cá nhân về tính đúng-sai của một vấn đề. Niềm tin và nhận thức của người dạy ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyết định giảng dạy của họ và thường không dễ dàng thay đổi. Hai mươi năm sau nghiên cứu của Pajares, [24] phân tích khoảng 300 ấn phẩm về nhận thức trong giáo dục để tìm hiểu tiến bộ về khái niệm. Họ nhận thấy khó có sự thống nhất về định nghĩa do có nhiều quan điểm khác nhau trong tài liệu. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo giáo viên đều thừa nhận tầm quan trọng của niềm tin mà người dạy nắm giữ. Nghiên cứu trong 20 năm qua đã phân tích sâu rộng về niềm tin, nhưng vẫn chưa giải quyết đầy đủ quan điểm của người dạy về phương pháp chuyển ngữ trong giáo dục Tây Á, như ở Iran.

Ngoài ra, chuyển ngữ cũng tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho người dạy vì một số mục đích, bao gồm việc duy trì kiểm soát lớp học, xây dựng mối quan hệ tích cực với người học, và làm rõ các vấn đề ngữ pháp. Trên cùng dòng lý luận, ba chức năng chính mà người dạy thường sử dụng chuyển ngữ là giải quyết các nội dung quan trọng của môn học, diễn giải những khía cạnh ngữ pháp phức tạp, và trao đổi với người học về các vấn đề cá nhân, tạo điều kiện cho môi trường học tập thân thiện và hiệu quả hơn. Vì vậy, trong nghiên cứu của [25] đã xác nhận những phát hiện của nghiên cứu trước đó, cho rằng người dạy sử dụng chuyển ngữ chủ yếu cho ba mục đích: giảng dạy, khen ngợi và quản lý lớp học. Đặc biệt, trong mục đích giảng dạy, việc chuyển ngữ được sử dụng rộng rãi để hỗ trợ quá trình học tập nhận thức của sinh viên, bao gồm việc nâng cao kiến thức ngữ pháp và từ vựng [26]. Từ đó, có thể thấy rõ rằng người dạy coi trọng cả các mục tiêu tình cảm lẫn nhận thức. Mục tiêu tình cảm được thể hiện qua việc sử dụng chuyển ngữ để xây dựng mối quan hệ, giảm bớt mức độ lo lắng cho người học, và khuyến khích sự tham gia tích cực, từ đó tạo ra một môi trường học tập hòa nhập hơn. Về mục tiêu nhận thức, chuyển ngữ được dùng để cung cấp hướng dẫn và giải thích ngữ pháp, giúp việc tiếp thu kiến thức diễn ra hiệu quả.

Xu hướng mới trong cách nhìn của người dạy về phương pháp chuyển ngữ có thể không còn chỉ giới hạn ở việc kiểm soát lớp học hay giải thích ngữ pháp, mà có lẽ còn hướng đến việc xây dựng một môi trường học đa dạng, phù hợp với nhu cầu học ngôn ngữ của người học EFL. Quan điểm của người dạy dần dần có thể sẽ thay đổi, nhận ra rằng chuyển ngữ không chỉ là một công cụ hỗ trợ mà còn là phương pháp giảng dạy chủ động, giúp khơi dậy sự sáng tạo và phát triển tư duy ngôn ngữ. Họ cũng có thể nhận thấy rằng chuyển ngữ không chỉ giúp giải thích những khái niệm phức tạp, mà còn tạo động lực để người học tự tin sử dụng cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ mới trong quá trình học tập.

Xu hướng này còn có khả năng làm thay đổi cách người dạy nhìn nhận vai trò của mình từ người kiểm soát kiến thức sang người điều phối trong quá trình học ngôn ngữ đa chiều. Phương pháp chuyển ngữ có thể giúp họ mở rộng mối quan hệ đối thoại với người học, trong đó các ngôn ngữ và ký hiệu khác nhau được vận dụng linh hoạt để tạo nên sự hiểu biết chung. Người dạy có thể thấy rằng sự linh hoạt trong ngôn ngữ này không chỉ giúp học sinh tự tin, thoải mái hơn trong lớp học, mà còn hỗ trợ hiệu quả việc tiếp thu kiến thức, nhất là khi người học có thể gặp khó khăn trong việc nắm bắt những khái niệm trừu tượng chỉ bằng tiếng Anh.

Nhờ đó, người dạy có thể hiểu rõ hơn về vai trò của mình trong việc hướng dẫn người học phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy đa ngôn ngữ và giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, xu hướng này dường như còn khuyến khích người dạy thử nghiệm và phát triển những phương pháp giảng dạy mới để tận dụng tối đa lợi ích của chuyển ngữ. Điều này có thể không chỉ giúp người học cải thiện thành tích mà còn phát triển toàn diện về ngôn ngữ và kỹ năng xã hội.

3. Các nghiên cứu về chuyển ngữ trong ngữ cảnh EFL

Nhiều học giả quan tâm đến chuyển ngữ được tiến hành trong nhiều ngữ cảnh giáo dục, đặc biệt trong ngữ cảnh EFL là nền tảng cho nghiên cứu chuyển ngữ. Trong phần này, một số ví dụ quan trọng từ các nghiên cứu gần đây được xem xét.

[27] đã công bố nghiên cứu tại Trung Quốc về thái độ và cách sử dụng chuyển ngữ giữa các nhà giáo dục và sinh viên trong môi trường giáo dục đại học. Tham gia gồm 162 người học và 5 nhà giáo dục, với dữ liệu được ghi nhận từ phỏng vấn bán cấu trúc, khảo sát và quan sát lớp học. Kết quả cho thấy nhận thức của người dạy về chuyển ngữ không đồng nhất, trong khi sinh viên có thái độ trung lập đến tích cực. Người dạy nhận ra lợi ích của chuyển ngữ khi dạy các chủ đề cho người học có trình độ tiếng Anh yếu.

[15] đã khảo sát 147 sinh viên sau đại học tại một trường đại học quốc tế ở Thái Lan, cho thấy nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thói quen chuyển ngữ của sinh viên như năng lực L2, độ khó chủ đề, sẵn sàng sử dụng L1, khuyến khích từ người dạy và nhận thức ngôn ngữ. [28] cũng tiến hành nghiên cứu tại Thổ Nhĩ Kỳ về cảm nhận của người dạy EFL đối với kỹ thuật chuyển ngữ. Kết quả chỉ ra rằng chuyển ngữ giúp người học tiếng Anh kém tham gia tích cực hơn, tuy nhiên, chính sách ngôn ngữ vẫn gây trở ngại cho người dạy trong việc áp dụng chuyển ngữ.

Về ngữ cảnh ở Việt Nam, [29] nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp chuyển ngữ trong giảng dạy tiếng Anh cho người học ở lớp 9, cho rằng nó giúp người học tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả và tham gia tự tin vào các hoạt động. [30] khuyến khích áp dụng chuyển ngữ trong các lớp EFL, xác nhận kết quả từ các nghiên cứu trước. Họ nhận thấy người dạy ở cả trường công và tư đều cho rằng chuyển ngữ cần thiết để hỗ trợ việc học, đặc biệt trong giải thích ngữ pháp và từ vựng phức tạp, vốn rất quan trọng cho việc thi cử. Người dạy trường tư thường sử dụng chuyển ngữ nhiều hơn người dạy ở trường công.

Có thể nói rằng, tình trạng dạy tiếng Anh bằng phương pháp chuyển ngữ ở Việt Nam là đa dạng và phản ánh những điểm khác biệt của cả hệ thống giáo dục công và tư. Trước tiên, mặc dù người dạy đều tán thành rằng chuyển ngữ là một phương tiện thiết yếu để hỗ trợ người học EFL, đặc biệt trong việc giải thích ngữ pháp và từ vựng, nhưng bản chất của mục đích việc sử dụng chuyển ngữ là khác nhau. Chuyển ngữ chủ yếu được áp dụng để hỗ trợ nhận thức, đặc biệt là trong học thuật và chuẩn bị thi cử, nơi ngữ pháp và từ vựng được coi là rất quan trọng. Điều đó cho thấy việc áp dụng chuyển ngữ ở Việt Nam hiện nay chủ yếu việc truyền tải kiến thức hơn là tạo ra một môi trường tương tác đa chiều.

Mặt khác, việc chuyển ngữ tập trung vào mục đích tình cảm, chẳng hạn như xây dựng mối quan hệ gần gũi giữa người học EFL và người dạy [31], không được coi là thiết yếu. Điều đó phản ánh phương pháp chỉ dựa vào lý thuyết và không nhạy bén trong việc áp dụng ngôn ngữ cho các khía cạnh xã hội và cảm xúc của người học. Xu hướng này có thể hạn chế sự phát triển của phương pháp dạy nói tiếng Anh vì người học cần cảm thấy thoải mái và tự tin khi sử dụng ngôn ngữ, điều mà chuyển ngữ có thể đóng vai trò quan trọng.

Đáng chú ý, người dạy trong cơ sở giáo dục ngoài công lập được báo cáo ít sử dụng chuyển ngữ hơn so với người dạy trong hệ thống giáo dục công lập [32]. Điều này có thể do sự khác biệt về điều kiện giảng dạy, số lượng người học hoặc yêu cầu về kết quả học tập. Thứ nhất, các điều kiện giảng dạy ở hai

hệ thống này khác nhau đáng kể. Hệ thống giáo dục công lập thường có quy mô lớn hơn, với số lượng người học đông, chương trình học được chuẩn hóa và áp lực về thời gian lớn hơn. Trong bối cảnh đó, người dạy có xu hướng sử dụng chuyên ngữ để giúp người học nắm bắt nhanh hơn các khái niệm phức tạp, đặc biệt là về ngữ pháp và từ vựng, nhằm đảm bảo người học có thể theo kịp nội dung học và đạt được kết quả tốt trong các kỳ thi.

Ngược lại, các trường ngoài công lập thường có số lượng người học ít hơn, không gian học tập linh hoạt hơn, và có thể có ít áp lực hơn về mặt thời gian và chuẩn hóa nội dung. Người dạy tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập có thể được khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau, bao gồm việc giảm bớt sử dụng chuyên ngữ để khuyến khích người học thực hành tiếng Anh nhiều hơn. Sự linh hoạt trong giảng dạy này cho phép người dạy thiết kế bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng cá nhân của từng người học, thay vì dựa nhiều vào phương pháp chuyên ngữ.

Nhìn theo tổng quát, phương pháp chuyên ngữ tại Việt Nam chủ yếu nhằm vào việc giúp người học nắm chắc ngữ pháp và từ vựng, ít chú trọng đến các yếu tố cảm xúc và phát triển ngôn ngữ toàn diện. Điều này dẫn đến phương pháp chuyên ngữ có tiềm năng lớn trong việc xây dựng không gian học tiếng Anh phong phú hơn nếu nó được thực hiện theo cách cân bằng giữa nhu cầu học thuật và nhu cầu giao tiếp cá nhân.

4. Ý nghĩa về mặt sư phạm

Phương pháp chuyên ngữ có thể được xem như một phương tiện cho các lớp học song ngữ và đa ngữ truyền thống, cung cấp một cách tiếp cận mới cho giáo dục đa ngôn ngữ [6]. Phương pháp này mở ra cơ hội cho giáo viên và người học hướng tới sự hài hòa trong dạy và học trong bối cảnh giáo dục thế kỷ 21. Trong phần này, sẽ có những phân tích về ý nghĩa sư phạm của việc áp dụng chuyên ngữ trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh.

Trước hết, chuyên ngữ có thể diễn ra tự nhiên trong môi trường giáo dục song ngữ hoặc đa ngữ [9]. [33] cho rằng chuyên ngữ nên được xem như một quá trình liên tục có thể phát triển qua các chiến lược giảng dạy. Người dạy có thể tích hợp phương pháp chuyên ngữ vào giảng dạy truyền thống để hỗ trợ người học sử dụng vốn ngôn ngữ theo cách dễ hiểu và thực hành ngôn ngữ mới [8]. Khi chuyên ngữ được thực hiện có kế hoạch và chiến lược, nó có thể tối ưu hóa khả năng ngôn ngữ và nhận thức, phù hợp với lý thuyết xã hội văn hóa về học tập [34].

Thứ hai, [35] khẳng định người dạy chuyên ngữ không nhất thiết phải là người dạy song ngữ hoặc đa ngữ hoàn toàn. Tuy nhiên, người dạy đơn ngữ và đa ngữ cần có nhiều quan điểm về chuyên ngữ và đóng vai trò người tạo điều kiện, hỗ trợ, và phản biện để giúp người học học tập hiệu quả. Người học đóng vai trò là những nhà thám hiểm và người tạo ra ý nghĩa, xây dựng kiến thức một cách có trách nhiệm [33]. [36] đề xuất phương pháp chuyên ngữ hợp tác, nơi cả người dạy và người học tham gia tích cực trong quá trình học tập, đảm bảo tính năng động và hợp tác trong lớp học. Theo [36, p. 160], phương pháp sư phạm chuyên ngữ hợp tác là "một quá trình hai chiều, năng động và có sự tham gia do cả người dạy và người học chỉ đạo".

Thứ ba, giảng dạy tiếng Anh vẫn là một lĩnh vực đang tiếp tục phát triển và đổi mới nên việc sử dụng chuyên ngữ không phải lúc nào cũng được công nhận. Vẫn còn khá lạ lẫm khi chuyên ngữ trong nhiều khung cảnh khác nhau. Một cách để giải quyết những trở ngại này là nâng cao, cải thiện nhận thức của người dạy và người học EFL về lý thuyết và thực hành chuyên ngữ. Điều quan trọng là chính sách chuyên ngữ phải được hợp pháp hóa và phổ biến giữa các bên liên quan như quản trị viên, người dạy, người học và phụ huynh. Ngoài ra, đưa vào "sự khác biệt, tính đa dạng và ngôn ngữ hàng ngày" để hỗ trợ các nhà giáo dục và người học tạo ra các hoạt động ngôn ngữ của riêng họ vượt ra ngoài việc viết.

Thứ tư, rõ ràng là hoạt động thực hành đa ngôn ngữ trong lớp học không được khuyến khích đối với người dạy EFL trước khi hành nghề và đang trong nghề [37]. Do đó, [37, p. 84] đã tuyên bố rằng "nhiều người dạy tiếng Anh phát triển các phương pháp chuyên ngữ trong lớp học trong suốt quá trình giảng dạy của họ, khi họ tiến xa hơn khỏi các chương trình đào tạo của mình và theo thực tế kinh nghiệm nghề nghiệp của họ". Song, các nhà giáo dục nên đưa lý thuyết và ứng dụng trong giáo dục về chuyên ngôn ngữ vào các chương trình đào tạo người dạy mới vào nghề và người dạy đang làm việc để cải thiện thái độ, nhận thức và quan điểm về các hoạt động chuyên ngôn ngữ trong môi trường lớp học nói tiếng Anh.

5. Kết luận

Phương pháp chuyển ngữ trong giảng dạy EFL đã giải quyết vấn đề tư duy đơn ngữ truyền thống, đồng thời mở ra một phương pháp dạy tiếng Anh linh hoạt hơn. Trong [38], nơi mà tiếng Anh được coi là ngôn ngữ dung để giao tiếp hợp pháp chính thức, chuyển ngữ đã trở thành một phương tiện hữu ích để học song ngữ và đa ngữ. Bên cạnh việc thu hẹp khoảng cách giữa nội dung học tập và khả năng ngôn ngữ của người học EFL, phương pháp này còn cho phép họ tham gia sâu hơn vào quá trình giáo dục. Tùy thuộc vào ngữ cảnh giảng dạy, nghiên cứu đã cho thấy sự hiệu quả của việc chuyển ngữ. Tuy nhiên, tổng thể, phương pháp này đã mang lại những thay đổi tích cực trong cách dạy và học tiếng Anh, đặc biệt là trong các lớp học EFL.

Những thay đổi này không những giới hạn trong việc dạy ngôn ngữ mà còn giúp người học phát triển nhiều kỹ năng ngôn ngữ khác nhau, giúp họ giao tiếp tốt hơn trong các bối cảnh đa ngôn ngữ và văn hóa. Phương pháp chuyển ngữ linh hoạt giúp người học EFL, đặc biệt trong song ngữ và đa ngữ, nắm bắt nội dung học tập một cách toàn diện hơn. Nó cũng giúp họ tự tin hơn trong việc sử dụng tiếng Anh thực tế.

Dựa trên những phân tích đã trình bày, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục mở rộng và tìm hiểu sâu hơn về cách thức chuyển ngữ ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Mục tiêu chính là xác định liệu việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác trong lớp học có thể giúp người học tự tin hơn, giao tiếp linh hoạt và tự nhiên hơn, đồng thời nâng cao khả năng biểu đạt ý tưởng bằng tiếng Anh trong các nhóm đối tượng đa dạng như so sánh việc áp dụng phương pháp chuyển ngữ ở người học không chuyên tiếng Anh và người học chuyên tiếng Anh, so sánh việc nhận thức của người dạy ở môi trường giáo dục công lập và ngoài công lập để từ đó nhóm nghiên cứu đề xuất về mô hình sử dụng phương pháp chuyển ngữ chuyên biệt trong quá trình giáo dục kỹ năng nói tiếng Anh cho người học trung học phổ thông.

Xung đột lợi ích


Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích trong bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] S. P. Rao, "The importance of speaking skills in English classrooms," *Alford Council of International English and Literature Journal*, vol. 2, pp. 6–18, 2019.
- [2] G. Brown and G. Yule, *Teaching the Spoken Language*. Cambridge, U.K.: Cambridge Univ. Press, 1983.
- [3] A. Bueno, D. Madrid, and N. McLaren, *TEFL in Secondary Education*. Granada, Spain: Editorial Universidad de Granada, 2006.
- [4] T. Q. Tran and T. K. T. Nguyen, "Equity and inclusion in business English courses: L2 students' translanguaging," in *Differentiated Instruction, Equity, and Inclusion in Language Education*. Hershey, PA, USA: IGI Global, 2025, pp. 121–144.
- [5] T. Anouk, B. Elma, L. Paul, and M. Sarah, "Translanguaging challenges in multilingual classrooms: Scholar, teacher and student perspectives," *Int. J. Multilingualism*, vol. 18, no. 3, pp. 1–24, 2019, doi: 10.1080/14790718.2019.1686002.
- [6] N. V. Chicherina and S. Y. Strelkova, "Translanguaging in English language teaching: Perceptions of teachers and students," *Educ. Sci.*, vol. 13, no. 86, 2023, doi: 10.3390/educsci13010086.
- [7] A. Creese and A. Blackledge, "Translanguaging in the bilingual classroom: A pedagogy for learning and teaching," *Mod. Lang. J.*, vol. 94, no. 1, pp. 103–115, 2010.
- [8] O. Garcia and L. Wei, *Translanguaging: Language, Bilingualism and Education*. New York, NY, USA: Palgrave Macmillan, 2014.
- [9] S. Canagarajah, "Translanguaging in the classroom: Emerging issues for research and pedagogy," *Appl. Linguist. Rev.*, vol. 2, pp. 1–28, 2011, doi: 10.1515/9783110239331.1.
- [10] F. Fang, "Re-positioning accent attitude in the Global Englishes paradigm: A critical phenomenological case study in the Chinese context," *Appl. Linguist.*, vol. 5, pp. 940–943, 2020, doi: 10.1093/applin/amaa049.
- [11] H. Liu, X. Zhang, and F. Fang, "Young English learners' attitudes towards China English: Unpacking their identity construction with implications for secondary level language education in China," *Asia Pacific J. Educ.*, pp. 1–16, 2021, doi: 10.1080/02188791.2021.1908228.
- [12] G. Lewis, B. Jones, and C. Baker, "Translanguaging: Developing its conceptualisation and contextualisation," *Educ. Res. Eval.*, vol. 18, no. 7, pp. 655–670, 2012, doi: 10.1080/13803611.2012.718490.
- [13] T. Tran, T. Duong, and D. Nguyen, "Learning engagement in academic writing classes via translanguaging among English majors: A convergent mixed-methods study," in *SAGE Research Methods: Data and Research Literacy*. London, U.K.: SAGE Publ., 2025, doi: 10.4135/9781036217204.
- [14] T. Q. Tran, "Translanguaging in English language teaching: From theory to practice," in *Proc. 6th Nat. Conf. Language and Language Teaching (NCOLLT)*, Universitas PGRI Adi Buana Surabaya, Indonesia, 2021, pp. 1–10.
- [15] D. Liu, "A study of graduate students' perceptions towards pedagogical translanguaging at an international university in Bangkok," M.S. thesis, Assumption Univ., Bangkok, Thailand, 2021.
- [16] S. Canagarajah, *Translingual Practice: Global Englishes and Cosmopolitan Relations*. London, U.K.: Routledge, 2012.
- [17] N. Klapwijk and C. Van der Walt, "English-plus multilingualism as the new linguistic capital? Implications of university students' attitudes towards language of instruction in a multilingual university," *J. Lang. Identity Educ.*, vol. 15, no. 2, pp. 67–82, 2016, doi: 10.13140/RG.2.1.1493.6806.

- [18] A. J. Rivera and C. M. Mazak, "Analyzing student perceptions on translanguaging: A case study of a Puerto Rican university classroom," *How*, vol. 24, no. 1, pp. 122–138, 2017, doi: 10.19183/how.24.1.312.
- [19] A. Muthanna and P. Miao, "Chinese students' attitudes towards the use of English-medium instruction into curriculum courses: A case study of a national key university in Beijing," *J. Educ. Training Stud.*, vol. 3, no. 5, pp. 59–69, 2015, doi: 10.11114/jets.v3i5.920.
- [20] R. Kircher, "Language attitudes among adolescents in Montreal: Potential lessons for language planning in Quebec," *Nottingham French Stud.*, vol. 55, no. 2, pp. 239–259, 2016, doi: 10.33366/nfs.2016.0151.
- [21] J. Adamson and D. Coulson, "Translanguaging in English academic writing preparation," *Int. J. Pedagogies Learn.*, vol. 10, no. 1, pp. 24–37, 2015, doi: 10.1080/22040552.2015.1084674.
- [22] A. Carstens, "Translanguaging as a vehicle for L2 acquisition and L1 development: Students' perceptions," *Lang. Matters*, vol. 47, no. 2, pp. 203–222, 2016, doi: 10.1080/10228195.2016.1153135.
- [23] M. F. Pajares, "Mobile times, mobile terms: The trans-super-poly-metro movement," in N. Coupland, Ed., *Sociolinguistics: Theoretical Debates*, vol. 62. Cambridge, U.K.: Cambridge Univ. Press, 1992.
- [24] H. Fives and M. M. Buehl, "Spring cleaning for the 'messy' construct of teachers' beliefs: What are they? Which have been examined? What can they tell us?," in *APA Educational Psychology Handbook, Vol. 2: Individual Differences and Cultural and Contextual Factors*. Washington, DC, USA: Amer. Psychol. Assoc., 2012, pp. 471–499.
- [25] M. Ö. Ölmöz and Y. Kirkgöz, "Examining secondary school teachers' beliefs and purposes about the use of L1 in foreign language classes," *Educ. Quart. Rev.*, vol. 4, no. 1, pp. 596–606, 2021, doi: 10.31014/aior.1993.04.02.269.
- [26] C. L. H. Nguyen and T. Q. Tran, "High school L2 teachers' enactment of translanguaging in English speaking classrooms," *Indones. J. Appl. Linguist.*, vol. 15, no. 1, pp. 74–86, 2025, doi: 10.17509/ijal.v15i1.75881.
- [27] F. Fang and Y. Liu, "Using all English is not always meaningful: Stakeholders' perspectives on the use of and attitudes towards translanguaging at a Chinese university," *Lingua*, 2020, doi: 10.1016/j.lingua.2020.102959.
- [28] F. Yuvayapan, "Translanguaging in EFL classrooms: Teachers' perceptions and practices," *J. Lang. Linguist. Stud.*, vol. 15, no. 2, pp. 678–694, 2019, doi: 10.17263/jlls.586811.
- [29] T. B. H. Luong, "Exploring the usefulness of translanguaging in a Ha Nam high school: An exploratory action research project," M.A. thesis, Vietnam Nat. Univ., Hanoi, Vietnam, 2020.
- [30] T. K. Pham and T. H. V. Vu, "Vietnamese EFL secondary teachers' translanguaging use and their perceptions," *HCMCOUJS-Soc. Sci.*, vol. 13, no. 2, pp. 37–54, 2023, doi: 10.46223/HCMCOUJS.soci.en.13.2.2608.2023.
- [31] H. Sarah and D. Sender, "Translanguaging and emotionality of English as a second language (ESL) teachers," *Mouton de Gruyter*, vol. 62, no. 3, pp. 1257–1278, 2024, doi: 10.1515/iral-2024-0094.
- [32] L. Wei, "Translanguaging and code-switching: What's the difference?," May 2018. [Online]. Available: <https://blog.oup.com/2018/05/translanguaging-code-switching-difference/>.
- [33] S. Canagarajah, "Codemeshing in academic writing: Identifying teachable strategies of translanguaging," *Mod. Lang. J.*, vol. 95, no. 3, pp. 401–417, 2011, doi: 10.1111/j.1540-4781.2011.01207.x.
- [34] W. Baker, *Culture and Identity Through English as a Lingua Franca: Rethinking Concepts and Goals in Intercultural Communication*. Berlin, Germany: Mouton de Gruyter, 2015.
- [35] N. Flores and O. García, "Linguistic third spaces in education: Teachers' translanguaging across the bilingual continuum," in D. Little, C. Leung, and P. Van Avermaet, Eds., *Managing Diversity in Education: Key Issues and Some Responses*. Clevedon, U.K.: Multilingual Matters, 2013, pp. 243–256.
- [36] S. Rajendram, "Translanguaging as an agentive, collaborative and socioculturally responsive pedagogy for multilingual learners," Ph.D. dissertation, Univ. Toronto, Toronto, Canada, 2019.
- [37] G. Hall, "Framing the realities of TESOL practice through a translanguaging lens," in Z. Tian, L. Aghai, P. Sayer, and J. L. Schissel, Eds., *Envisioning TESOL Through a Translanguaging Lens in the Era of Post-multilingualism*. Cham, Switzerland: Springer, 2020, pp. 1–20.
- [38] ASEAN, *Master Plan on ASEAN Connectivity*. Jakarta, Indonesia: ASEAN Secretariat, 2011.

Nguyen Hoang Long Chau is currently working as a teacher of English in Phan Ngoc Hien Gifted High School at Ca Mau Province, Vietnam since 2017. He is pursuing a doctorate in education at the University of Technical Education in Ho Chi Minh City. His research areas include English language skills, teacher professional development, language learning strategies, language teaching methodology, and instructional design model.

Email: longnh.ncs@hcmute.edu.vn. ORCID:  <https://orcid.org/0009-0000-5283-3862>

Thao Quoc Tran (Associate Professor) is currently working as a lecturer of English language at Ho Chi Minh City Open University, Vietnam. He has been teaching English for 20 years, and he is experienced in teaching English to both local and international students. His research areas are discourse analysis, English language skills, teacher professional development and instructional design model.

Email: tranquocthaobmtc@yahoo.com. ORCID:  <https://orcid.org/0000-0001-8063-8853>